

Số: 1899096

|                                                | Mazda CX-30 2.0 Luxury                       | Kia New Seltos 1.5L Luxury |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 699.000.000đ                                 | 699.000.000đ               |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                                              |                            |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4395 x 1795 x 1540                           | 4365 x 1800 x 1645         |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2655                                         | 2610                       |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                                         | 5300                       |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 175                                          | 190                        |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1441                                         | 1234                       |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1936                                         | 1690                       |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 430                                          | 433                        |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 51                                           | 50                         |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                            | 5                          |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                    | SX-LR trong nước           |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                                              |                            |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 2.0L                              | Smartstream 1.5G           |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1998                                         | 1497                       |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 153 / 6000                                   | 113 Hp/ 6.300 rpm          |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 200 / 4000                                   | 144 Nm/ 4.500 rpm          |
| Hộp số                                         | 6AT                                          | Hộp số vô cấp CVT          |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                              | Cầu trước (FWD)            |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Macpherson thanh cân bằng            | McPherson                  |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                                   | Thanh cân bằng             |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                          | Đĩa                        |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                          | Đĩa                        |
| Thông số lốp xe                                | 215/55 R18                                   | 215/60 R17                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 10.53                                        | n/a                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.63                                         | n/a                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 8.07                                         | n/a                        |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                            | -                          |
| Chế độ lái                                     | Normal / Sport                               | Normal/Eco/Sport           |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus |                            |
| NGOẠI THẤT:                                    |                                              |                            |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                          | LED                        |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                            | ●                          |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                            | -                          |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                            | ●                          |
| Đèn sương mù                                   | LED                                          | LED                        |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                          | LED                        |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                            | ●                          |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                            | -                          |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                          |                                              |                            |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                                            | ●                          |
| Chất liệu ghế                                  | Da                                           | Da                         |

|                                    |                    |                |
|------------------------------------|--------------------|----------------|
| Ghế người lái chỉnh điện           | ●                  | ●              |
| Ghế người lái có nhớ vị trí        | ●                  | -              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ●                  | ●              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●                  | ●              |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | Analog & Digital 7 | 4.2"           |
| Màn hình HUD                       | ●                  | -              |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 8.8                | 10.25"         |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●                  | ●              |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●                  | ●              |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 2                  | Tự động 2 vùng |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●                  | ●              |
| Chìa khóa thông minh               | ●                  | ●              |
| Khởi động nút bấm                  | ●                  | ●              |
| Hệ thống âm thanh                  | 8 loa              | 6 loa          |
| Lấy chuyển số                      | ●                  | -              |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●                  | -              |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●                  | -              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●                  | ●              |

#### **AN TOÀN:**

|                                            |     |     |
|--------------------------------------------|-----|-----|
| Số túi khí                                 | 7   | 2   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●   | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●   | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●   | ●   |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●   | ●   |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●   | ●   |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●   | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●   | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●   | ●   |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●   | n/a |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau | ●   |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | ●   | -   |
| Camera lùi                                 | ●   | ●   |